TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DSST
Ngày: 23/5/2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Th Quốc

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sĩ Trung

2. Ông Phan Thanh Sơn

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa*: Bà Đồng Thị Th Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2016/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2016 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn V Ng, sinh năm 1954.

Trú tại: Khu vực Long H, phường Long H, quận Ô M, thành phố C T.

Bị đơn: Bà Võ Th X, sinh năm 1954.

Trú tại: Khu vực Long H, phường Long H, quận Ô M, thành phố Cần TC.(có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Khu vực Thới M, phường Thới L, quận Ô M, thành phố C T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh V Th, sinh năm 1954.

2. Anh Huỳnh T Đ, sinh năm 1984.

3. Chị Nguyễn Ng M, sinh năm 1985.

Đại diện hợp pháp của ông Th, chị M là anh Huỳnh T Đ (Văn bản ủy quyền ngày 06/06/2016).

Cùng trú tại khu vực Long H, phường Long H, quận Ô M, thành phố C T. (có mặt).

4. Bà Nguyễn Th Ph, sinh năm 1957.

Trú tại: Khu vực Ph L, phường Long H, quận Ô M, thành phố C T. Đại diện ủy quyền của bà Ph là ông Nguyễn V Ng (theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2017).

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Ph H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu vực Ph L, phường Long H, quận Ô M, thành phố C T. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn V Ng trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 1969 cha mẹ ông có cho bà Võ Th X ở nhờ trên phần đất của gia đình ông, đến nay cha mẹ ông đã qua đời. Đến năm 1992 thì ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03363 gồm các thửa:

Thửa 345 – diện tích 6000m^2 , TBĐ số 08, Loại đất 2L. Thửa đất 351 – diện tích 1050m^2 , tờ bản đồ số 08, loại đất LNK. Thửa 352 – diện tích 2000m^2 , tờ bản đồ 08, loại đất T. Nhưng sau khi cha mẹ ông và cha mẹ bị đơn qua đời và ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng phía bà Xcất nhà ở ổn định và không trả đất cho ông còn phát đơn thưa vu không nói mẹ ông bán đất với giá 01 chỉ vàng nhưng không đưa ra chứng minh việc mua bán, chính quyền hòa giải nhưng không thành .

Do đất này là bà X ở nhờ trên đất ông làm chủ quyền có quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu bà X phải trả lại phần đất cho ông diện tích đất thổ cư diện tích đất ngang 10m, dài 30m = 300m^2 thuộc thửa 352. Tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử đất 03363, do Nguyễn V Ng đứng tên và ông đồng ý tính giá đất theo giá của nhà nước quy định.

Bị đơn bà Võ Th X trình bày:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc như sau: Khoảng năm 1975, cha bà Xlà ông Võ Văn Th có mua của mẹ ông Nguyễn V Ng phần đất có kích thước và diện tích khoảng 10m x 30m = 300m^2 để ở (là phần đất đang tranh chấp) với giá 01 chỉ vàng 24K, số vàng là của bà đưa cho ông Thơm để trả cho mẹ ông Ng và mẹ của ông Ng đã nhận đủ số vàng (việc mua bán không có làm giấy tờ).

Sau khi mua đất xong cha bà là ông Võ Văn Th cất nhà ở, khi ông Thơm chết thì cả gia đình bà ở nhà và quản lý sử dụng phần đất. Nhiều lần bà yêu cầu mẹ ông

Nguyễn V Ng, ông Ng thực hiện chuyển giao quyền sử dụng đất cho bà, nhưng cả hai đều không thực hiện.

Trong suốt thời gian quản lý sử đất đến năm 2010 thì phía ông Ng không có bất kỳ tranh chấp gì, việc mua bán đã thực hiện từ rất lâu đời.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 bà Võ Th X nộp đơn yêu cầu phản tố bổ sung:

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph:

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà trong vụ tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh T Đ và chị Nguyễn Ng M trình bày:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc như sau: Khoảng năm 1975, cha mẹ anh Đ là ông Huỳnh V Th và mẹ bà Võ Th X cùng với ông ngoại là ông Võ Văn Thơm có mua của mẹ ông Nguyễn V Ng, bà Nguyễn Th Ph phần đất có kích thước và diện tích khoảng 10m x 30m = 300m^2 để ở (là phần đất đang tranh chấp) với giá 01 chỉ vàng 24K, số vàng này là của cha mẹ anh đưa cho ông Thơm để trả cho mẹ ông Ng và ông Ng, mẹ của ông Ng là bà Nh đã nhận đủ số vàng này (việc mua bán không có làm giấy tờ).

Sau khi mua đất xong cả gia đình anh chị cất nhà ở và liên tục quản lý sử dụng phần đất. Nhiều lần gia đình anh chị yêu cầu mẹ ông Nguyễn V Ng, ông Ng thực hiện chuyển giao quyền sử dụng đất cho gia đình anh chị nhưng cả hai không thực hiện.

Trong suốt thời gian quản lý sử dụng đất đến năm 2010 thì phía ông Ng không có bất kỳ tranh chấp gì, việc mua bán đã thực hiện từ lâu đời, gia đình anh chị quả lý sử dụng đất cũng liên tục từ khi mua đất đến nay.

Việc ông Nguyễn V Ng khởi kiện tranh chấp phần diện tích đất trên đòi anh chị trả đất cho ông Ng, anh chị không đồng ý. Vì hiện tại gia đình anh chị đã cất nhà ở trên đất liên tục từ trước đến nay. Gia đình anh chị hiện tại không có nơi ở nào khác.

Nay anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh chị trong vụ án này về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph đòi gia đình anh chị phải trả lại cho anh chị diện tích đất là 92m^2 thuộc phần đất thửa đất số 352, tở bản đồ số 08, tọa lạc tại khu vực Long H, phường Long H, quận Ô M, thành phố Cần Thơ (hiện ông Ng đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003063 cấp ngày 10/7/1992) – Theo trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012.

Yêu cầu được tiếp tục ổn định toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên cho anh chị. Đồng thời buộc ông Nguyễn V Ng, bà Nguyễn Th Ph phải thực hiện chuyển giao quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên cho gia đình anh chị.

Đại diện theo ủy quyền của người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Th Ph là ông Nguyễn V Ng trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 1969 cha mẹ chồng bà có cho cha mẹ bà Võ Th X ở nhờ trên phần đất của gia đình đến nay cha mẹ bà và cha mẹ bà X đều qua đời.

Đến năm 1992 thì vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003063 thửa 352, tờ bản đồ số 08 do ông Nguyễn V Ng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. trên phần đất này bà Xđã xây dựng nhà ở ổn định bà còn vu khống nói mẹ chồng bà bán đất cho bà Xứng, nên các bên xảy ra tranh chấp đã thể hiện cụ thể tại đơn khởi kiện từ ngày 6/10/2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên không thỏa thuận được nên xảy ra tranh chấp chấp. Nay bà có ý kiến trình bày và có cùng yêu cầu như yêu cầu của chồng bà là Nguyễn V Ng.

Do hoà giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên toà hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Th Ph yêu cầu Tòa án buộc hộ gia đình ông Th, bà Xứng, anh Đ, chị M trả lại diện tích đất là 92m^2 thuộc phần đất thửa đất số 352 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại khu vực Long H, phường L H, quận Ô Môn, thành phố C T (hiện ông Ng đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003063 cấp ngày 10/7/1992) – Theo trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn phản tố yêu cầu ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph, tách quyền sử dụng đất diện tích đất là 92m^2 thuộc phần đất thửa đất số 352 tờ bản đồ số 08,

tọa lạc tại khu vực Long Hòa, phường L H, quận Ô M, thành phố C T (hiện ông Ng đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003063 cấp ngày 10/7/1992) – Theo trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh T Đ và chị Nguyễn Ng M: Yêu cầu được tiếp tục ổn định toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên cho anh chị. Đồng thời buộc ông Nguyễn V Ng bà Nguyễn Th Ph phải thực hiện chuyển giao quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên cho gia đình anh chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn ông Đỗ Vinh Quang trình bày: Phần đất các bên tranh chấp đã được bị đơn cất nhà và ở ổn định trên 50 năm. Không có ai tranh chấp, theo quy định của pháp luật đất không phải của nhà nước quản lý sử dụng, thì theo quy định pháp luật cá nhân sử dụng trên 30 năm thì thuộc quyền sử dụng của người đó. Bị đơn đã cất nhà, đóng góp tiền làm lộ và đã đóng thuế trên phần đất này. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ổn định phần đất này cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn và người liên quan cũng thống nhất trả 46.000.000đồng cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn phát biểu quan điểm vụ án:

Về thụ lý vụ án:

Tòa án thụ lý vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là đúng thẩm quyền và đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc xác định, thu thập chứng cứ đúng quy định Điều 93 đến điều 97 Bộ luật dân sự. Việc giao nhận thông bao thụ lý cho viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán có tuân theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 256, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn V Ng.

Công nhận hộ gia đình bà X tự nguyên trả cho nguyên đơn số tiền 46.000.000 đồng.

Ổn định diện tích 92m^2 (Theo trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn), cho bà Xứng, ông Th, ông Đ bà M.

Bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Th X và bác yêu cầu độc lập của ông Huỳnh T Đ và bà M.

Về phần án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghe các bên tranh luận, Hội đồng xét xử nhận xét về vụ án như sau:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quy định của pháp luật về đất đai được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về phần nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp:

Nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp là của cha mẹ ruột ông Ng cho ông Ng, đến năm 1992 thì Ng được Nhà nước giao quyền sử dụng đất trên cơ sở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào năm 1969 cha mẹ ông có cho cha mẹ bà của bà X cất nhà ở nhờ trên phần đất tại thửa 352 có chiều ngang 10m, chiều dài 30m, tổng diện tích là 300m, nay cha mẹ bà X đã mất, ông có nhu cầu sử dụng phần đất này nên ông yêu cầu bà Xtháo dỡ nhà, di dời trả lại phần đất được đo đạc thực tế là 92m^2 (Theo trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn). Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp là của cha mẹ ruột ông Ng việc này cũng được bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T Đ, ông Huỳnh V Th, bà Nguyễn Ng M thừa nhận, hiện ông Ng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số: 193/UBND, ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân quận Ô Môn phúc đáp cho Tòa án nhân dân quận Ô Môn xác định:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn V Ng đúng theo đúng trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do pháp luật

quy định. Từ năm 1992 đến thời điểm xét xử thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không bị hủy và không có cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào thu hồi. Ông Ng không thừa nhận là mẹ ông có chuyển nhượng phần đất trên cho bị đơn với giá trị là 01 chỉ vàng 24k như bị đơn trình bày.

[5] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ, ông Th, chị M cũng thừa nhận phần đất các bên đang tranh chấp có nguồn gốc là của mẹ ông Ng, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th, anh Đ, chị M cho rằng cha của bà Xlà ông Nguyễn Văn Thơm đã chuyển nhượng phần đất này với giá 01 chỉ vàng 24K, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng phần đất này theo đúng quy định pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M cho rằng đã chuyển nhượng phần đất này 01 chỉ vàng 24k, nhưng các ông bà không chứng minh được bất cứ chứng cứ nào cho việc trình bày của mình, bị đơn cho rằng có người biết sự việc này và có yêu cầu làm chứng là Nguyễn Ph H nhưng bà H trình bày bà không chứng kiến việc mua bán, nhưng bà có nghe nói bà Xcó mua phần đất này của bà Phan Thị Nhi 01 chỉ vàng 24K, việc mua bán, đưa vàng bà Hoa không chứng kiến, nên lời khai của bà H không được xem là chứng cứ để chứng minh Xnhận chuyển nhượng phần đất này của bà Nh. Mặc khác từ khi ông Ng được cấp giấy chứng nhận từ năm 1992 đến nay thì bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M không có khiếu nại gì, nên việc bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M cho rằng đã chuyển nhượng phần đất trên với giá là 01 chỉ vàng 24k là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đối với nguyên đơn thì chứng minh được phần đất này thuộc quyền sơ hữu của nguyên đơn như: Nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tính tới thời điểm Tòa án giải quyết vụ án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ng không bị thu hồi, hay khiếu nại gì, nguồn gốc đất là của bà Nhi mẹ ruột nguyên đơn, nên việc ông Ng yêu cầu bà Xtrả lại phần đất các bên đang tranh chấp là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tuy ông Ng được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1992 nhưng ông Ng không có sử dụng đất từ năm 1969 đến nay, gia đình bà Xđã sử dụng đất ổn định đến nay đã gần 50 năm, bà đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, trên đất bà đã cất nhà và trồng cây lâu năm, nếu buộc bà tháo dở nhà sẽ gây thiệt hại về tài sản, mặt khác ông Ng đang đứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.050 m^2, trong đó thửa 352 có diện tích 2.000 m^2, nếu ổn định cho gia đình bị đơn quản lý, sử dụng một phần đất thửa 352 có diện tích 92 m^2 cũng không ảnh hưởng gì lớn đến cuộc sống cuả nguyên đơn,

cho nên để đảm bảo cuộc sống và việc sử dụng đất ổn định cho bà Xứng, (hiện nay gia đình anh Đ, chị M cùng 2 con đang sinh sống), ngoài nơi ở này ra anh Đ và chị M không còn nơi ở nào khác. Thiết nghĩ nên giữ nguyên quyền sử dụng đất diện tích 92 m^2; đồng thời gia đình bà Xphải có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất tương ứng cho phía nguyên đơn; đây cũng phù hợp với sự tự nguyện của bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M trong quá trình giải quyết vụ án.

[8] Tuy nhiên cần xem xét công tôn tạo, bồi đắp phần đất nên mới có mảnh đất như ngày hôm nay là 10% cho gia đình bị đơn là phù hợp. Tại phiên tòa nay nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất giá trị phần đất tranh chấp và giá nhà nước và giá thị trường phần đất tranh chấp là 500.000đồng/m^2 .

Cụ thể, hộ gia đình bà Xphải trả giá trị phần đất tranh chấp cho ông Ng và bà Phiến là: (92 m^2 (T) x 500.000 đ/ m^2) – (46.000.000 đ x 10%)= 41.400.000 đồng.

[9] Đáng lẽ giá trị 92m^2 đất bị đơn và người liên quan ông Th, anh Đ, chị M phải trả cho nguyên đơn sau khi khấu trừ công sức đóng góp vào phần đất này thì bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M chỉ trả cho nguyên đơn số tiền là 41.400.000đồng. Tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền là 46.000.000đồng cao hơn mức giá trị đất mà nguyên đơn được nhận nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí thẩm định, định giá và đo đạc: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này Tổng số tiền là 2.000.000đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M trả lại số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận và bác yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 256, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005

- Khoản 9 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn V Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Th Ph.

2/ Bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Th X. Bác yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh T Đ, chị Nguyễn Ng M.

- Buộc hộ gia đình bà Võ Th X, ông Huỳnh V Th, anh Huỳnh T Đ, chị Nguyễn Ng M phải trả cho ông Nguyễn V Ng và bà Nguyễn Th Ph số tiền giá trị 92m^2 là 46.000.000đồng.

- Hộ gia đình bà Võ Th X, ông Huỳnh V Th, ông Huỳnh T Đ, chị Nguyễn Ng M tiếp tục ổn định sử dụng phần đất diện tích 92m^2 (Theo trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn).

- Hộ gia đình bà Võ Th X, ông Huỳnh V Th, ông Huỳnh T Đ, bà Nguyễn Ng M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật phần đất diện tích 92m^2 (kèm trích đo địa chính số 309 ngày 01/3/2012 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Ô Môn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về chi phí thẩm định, định giá và đo đạc: Buộc hộ gia đình bà Võ Th X, ông Huỳnh V Th, anh Huỳnh T Đ, chị Nguyễn Ng M phải trả cho ông Nguyễn V Ng số tiền tổng cộng là 2.000.000đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Xứng, ông Th, anh Đ, chị M phải nộp 2.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà X được nhận lại số tiền 200.000 đồng bị đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003509 ngày 31 tháng 10 năm 2012.

Ông Huỳnh T Đ và bà Nguyễn Ng M được nhận 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01408 ngày 25 tháng 9 năm 2017.

Ông Ng được nhận lại số tiền 3.000.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 006852 ngày 01/12/2011, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND quận Ô Môn;
-TAND TP. Cần Thơ;
- CC THADS quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Quốc